TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày 06- 4- 2023
"*V/v Tranh chấp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm 1979 và bà Dư Thanh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T (gọi tắt là T) trình bày:

Vào ngày 15/5/2018 vợ chồng ông Lê Minh H (gọi tắt là H) và bà Dư Thanh N (gọi tắt là N) có tổ chức dây hụi tháng một tháng xổ hụi một lần, dây hụi có 35 người tham gia và bà T có tham gia 02 chân hụi với mức đóng 1.000.000 đồng/01 chân hụi. Bà T đã đóng được 20 lần hụi bằng số tiền 80.000.000 đồng thì ông H bà N tuyên bố bể hụi. Cũng trong dây hụi này bà T có mua lại 01 (một) chân hụi của ông Hvà bà N

với số tiền 46.300.000 đồng. Bà T xác định trong dây hụi tháng này bà đã đóng hụi và bỏ tiền mua hụi của vợ chồng ông H và bà N với số tiền 126.300.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị T yêu cầu ông H bà N trả số tiền hụi còn nợ 126.300.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H bà N trả số tiền hụi 124.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N có ý kiến trình bày như sau:

Vào năm 2018 ông H và bà N có làm chủ hụi và tổ chức dây hụi tháng như bà T trình bày và xác nhận bà T có tham gia góp hụi và mua lại chân hụi trong dây hụi tháng này. Tuy nhiên do các hụi viên sau khi hốt hụi không tiếp tục tham gia đóng hụi nên dây hụi bị bể nên vợ chồng ông H và bà N có chốt nợ và xác nhận số nợ với bà T. Nay ông H bà N thừa nhận có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 124.000.000 đồng và xin trả dần cho bà T số tiền trên một tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Bà T và ông H bà N cùng thống nhất xác nhận bà T có chơi hụi do ông H bà N làm chủ hụi và ông H bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 124.000.000 đồng tiền hụi. Các đương sự cùng xác nhận việc chơi hụi không có sổ sách ghi chép chung nhưng khi chốt tiền hụi các bên có làm biên nhận nhận tiền chốt hụi.

Không thống nhất: Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ. Cụ thể: Bà Th yêu cầu ông H bà N mỗi tháng trả cho bà T 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 124.000.000.000 đồng, còn ông H bà N xin trả một tháng 500.000 đồng.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy ghi số tiền hụi ông H bà N nợ bà T có chữ ký của ông Lê Minh Hg.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hụi".

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu ông Hư bà N trả số tiền hụi là 124.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa các bị đơn đều vắng mặt mặc dù đã được tống đạt triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo xác nhận của bà T và vợ chồng ông H bà N thì năm 2018 bà Tcó tham gia dây hụi tháng do ông H và bà N làm chủ hụi. Các đương sự thống nhất với nhau về thời gian áp hụi, giá trị từng phần hụi trong từng dây hụi, số phần hụi và số tiền bà T tham gia góp hụi. Tại Tòa án các đương sự đã thống nhất về số tiền nợ hụi mà vợ chồng ông H và bà N có trách nhiệm phải trả cho bà T là 124.000.000 đồng. Ngoài sự thống nhất về số nợ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn còn cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận nợ tiền hụi được các bị đơn thừa nhận. Như vậy có cơ sở để xác định vợ chồng ông H và bà N có nợ tiền hụi của bà T là sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Do ông H bà N vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi, không thanh toán số tiền nợ hụi cho hụi viên nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 18 và Điều 24 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường cần buộc vợ chồng ông H và bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi 124.000.000 đồng.

Ông H bà N đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý do đó không có cơ sở để chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bị đơn.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: 124.000.000 đồng x 5% = 6.200.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 18, Điều 23 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên Xử</u>:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc vợ chồng ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hụi là 124.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bà Lê Thị T không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Lê Minh H và bà Dư Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 3.157.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003681 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/4/2023. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm